MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập thế giới, mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế, việc sử dụng thành thạo và hiểu biết về tiếng Anh là vấn đề rất quan trọng. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, ngày nay các phương tiện truyền thông đại chúng đã và đang phát triển với tốc độ cao, đặc biệt là các chương trình truyền hình, báo chí, phát thanh... Việc sử dụng từ ngữ tiếng Anh trong các chương trình này đã ngày càng trở nên phổ biến hơn, đặc biệt là các chương trình dành cho giới trẻ. Kinh tế phát triển, đời sống văn hoá, xã hội nâng cao lên rất nhiều, giao lưu văn hoá và đối thoại văn hoá giữa các dân tộc mở rộng chưa từng thấy. Cũng từ đó ngôn ngữ trong giao tiếp sinh viên đã nâng cao hơn, ngôn ngữ nói cũng như viết được bổ sung thêm rất nhiều từ mới, nghĩa mới, ý mới. Có điều rất được chúng ta quan tâm là từ ngữ tiếng Anh "nhập khẩu" vào Việt Nam một cách ồ ạt, dẫn đến việc ngôn ngữ chúng ta, đặc biệt là của cộng đồng sinh viên trong môi trường tiếp xúc hằng ngày với người nước ngoài. Điều đó làm cho những từ ngữ tiếng Anh nhanh chóng chêm xen vào trong việc sử dụng ngôn từ trong giao tiếp, kể cả trong giao tiếp giữa người Việt Nam với nhau. Hiện tượng chêm xen tiếng Anh vào trong lời nói tiếng Việt của sinh viên hiện nay là kết quả của sự giao lưu, tiếp biến văn hóa – ngôn ngữ trong thời đại toàn cầu hóa. Hiện tượng này có thể được hình dung như một quá trình liên tục, từ chuyển mã, trộn mã đến vay mượn. Nhưng đặc trưng nổi bật nhất trong sự lựa chọn ngôn ngữ của sinh viên vẫn là hiện tượng trộn mã. Xuất phát từ thực tiễn này chúng tôi chọn vấn đề *hiện tượng chêm xen từ ngữ tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt của sinh viên Đại học Đà Nẵng* làm đề tài nghiện cứu của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, khi thực hiện đề tài nhiệm vụ chúng tôi là:

- Nghiên cứu cơ sở lý luận ngôn ngữ học xã hội về tiếp xúc ngôn ngữ, thái độ ngôn ngữ, chuyển mã, trôn mã…

- Khảo sát các từ ngữ tiếng Anh được sử dụng trong giao tiếp tiếng Việt của sinh viên Đại học Đà Nẵng

- Mô tả phân tích các đặc điểm của từ ngữ tiếng Anh được sử dụng trong giao tiếp tiếng Việt từ các bình diện

- Điều tra, phân tích thái độ ngôn ngữ của xã hội đối với việc sinh viên chêm xen từ ngữ tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt

- Đề xuất những giải pháp về sử dụng và đánh giá hiện tượng chêm xen từ ngữ tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt hiện nay

3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt của cộng đồng sinh viên Đại học Đà Nẵng.

3.2. Phạm vi nghiên cứu: Các hình thức thể hiện tiêu biểu của ngôn ngữ sinh viên và chêm xen từ ngữ tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt trong sinh viên Đại học Đà Nẵng.

Phạm vị khảo sát: Sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ và Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng để phân tích, mô tả những đặc điểm của các từ ngữ tiếng Anh chêm xen vào giao tiếp tiếng Việt.

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cách tiếp cận

4.2. Phương pháp nghiên cứu

5. Cấu trúc đề tài nghiên cứu: gồm 3 phần

- Phần mở đầu
- Phần nội dung: Gồm 3 chương
- Phần kết luận và khuyến nghị, danh mục các công trình của tác giả, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Thái độ ngôn ngữ và tiếp xúc ngôn ngữ

1.1.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

1.1.1.1. Trên thế giới

Có khá nhiều công trình nghiên cứu và tài liệu nước ngoài có liên quan đến lĩnh vực tiếp xúc ngôn ngữ, như: H. Schuchardt (1482 – 1927), Baudouin de Courtenay (1845 – 1929), L.V. Scerba (1880 – 1944)... đã từng nghiên cứu về pha trộn ngôn ngữ. Người có công lớn và được nhắc đến như là người đầu tiên nghiên cứu sâu về tiếp xúc ngôn ngữ là Andre Martinet và người được coi là có công truyền bá rộng rãi thuật ngữ "tiếp xúc ngôn ngữ" là U.Weinrich nhờ sự ra đời của tác phẩm *Languages in contact – Findings and Problem.*Trong lời giới thiệu cho tác phẩm này, Andre Martinet đã viết "một cộng đồng ngôn ngữ không hề có tính đồng nhất và vị tất có một thời kỳ nào đó đã từng là một cộng đồng khép kín".

Góp phần vào thành tựu nghiên cứu về tiếp xúc ngôn ngữ là cuốn *Language Transfer* của Terence Odlin [17]. Có thể nói công trình này đã đánh dấu một cột mốc quan trọng của việc nghiên cứu về tiếp xúc ngôn ngữ. Ngoài ra còn có các công trình nghiên cứu ngôn ngữ giới trẻ trên thế giới tập trung ở vấn đề *chêm xen tiếng Anh vào một ngôn ngữ bản địa* như: tiếng Anh và tiếng Nga trong *The influence of the English language on the Russian youth slang* của Derkach [22], tiếng Anh và ngôn ngữ giới trẻ Trung Quốc trong *The effects of the English language on the cultural identity of Chinese university students của Seppala* [14]. Những công trình này khẳng định sự ảnh hưởng của tiếng Anh đến ngôn ngữ bản địa, đặc biệt diễn ra mạnh mẽ ở ngôn ngữ giới trẻ.

1.1.1.2. Trong nước

Ở Việt Nam, các công trình Ngôn ngữ học xã hội có ý nghĩa lý luận:

- *Ngôn ngữ học xã hội* của Nguyễn Văn Khang (1999), *Tiếng lóng Việt Nam* (2001), *Từ ngoại lai trong tiếng Việt* (2007) …đã cung cấp cơ sở lý luận và gợi

mở vấn đề ngôn ngữ giới trẻ; PGS. TS. Phạm Đức Dương, PGS. Phan Ngọc (1983) với công trình *"Tiếp xúc ngôn ngữ và tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á"*; Nguyễn Đăng Khánh với *"Sự giao thoa ngữ nghĩa chỉ số phát triển của quá trình tiếp xúc ngôn ngữ và văn hóa"*; Bùi Khánh Thế với *"Lý thuyết tiếp xúc ngôn ngữ và vấn đề tiếp xúc ngôn ngữ ở Việt Nam"*.

Các nhà nghiên cứu cho rằng, liệu những yếu tố như ngữ vực, phạm vi giao tiếp, đối tượng giao tiếp trong những tình huống giao tiếp cụ thể, rồi những vấn đề thuộc về ngôn điệu, những tương quan giữa đặc trưng xã hội và ngôn điệu của người nói… có tham gia vào việc hình thành thái độ và sự lựa chọn ngôn ngữ hay không?

Trong bài viết của [16, tr.21] đã đưa ra một số nhận xét của học giả Đào Duy Anh về *"tính chất tinh thần"* của người Việt, với mục đích của bài này, chúng ta chú ý đến các tính cách sau đây: "*thích văn chương phù hoa hơn là thực học, thích thành sáo và hình thức hơn là tư tưởng hoạt động*", "*ít người mộng tưởng, mà phán đoán thường có vẻ thiết thực lắm*", "*tính khí cũng hơi nông nổi*", "*hay khoe khoang trang hoàng bề ngoài*", "*ưa hư danh*", "*bắt chước, thích ứng và dung hòa thì rất tài*", "*có não tinh vặt*"…

Các công trình nghiên cứu biến thể ngôn ngữ dưới tác động của nhân tố xã hội như *Ngôn từ, giới, nhóm xã hội từ thực tiễn tiếng việt của* Lương Văn Hy (2000), *Thái độ ngôn ngữ đối với những hiện tượng biến đổi trong tiếng Việt trên mạng Internet hiện nay* của Trịnh Cẩm Lan (2014).

Những công trình nghiên cứu trên đi đến khẳng định có xuất hiện những hình thức ngôn ngữ phi chuẩn của giới trẻ trong tiếng Việt hiện nay cần được nghiên cứu và đã hệ thống hoá các tri thức lý thuyết ngôn ngữ học xã hội về tiếp xúc ngôn ngữ, chuyển mã, trôn mã và thái độ ngôn ngữ. Việc hình thành thái độ ngôn ngữ chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố xã hội như tuổi tác, giới tính, trình độ giáo dục, nghề nghiệp... Ngược lại, rất nhiều những hành vi sử dụng ngôn từ lại chịu ảnh hưởng trực tiếp của thái độ ngôn ngữ.

1.1.2. Các khái niệm cơ bản của đề tài

1.1.2.1. Thái độ ngôn ngữ

Theo cách hiểu thông thường, thái độ ngôn ngữ được định nghĩa như là tình cảm của người bản ngữ đối với tiếng mẹ đẻ của họ và đối với các ngôn ngữ khác. Cho đến nay, ngôn ngữ học xã hội thường nhắc đến ba loại thái độ cơ bản, đó là thái độ trung thành ngôn ngữ, thái độ kì thị ngôn ngữ và thái độ tự ti ngôn ngữ.

1.1.2.2. Tiếp xúc ngôn ngữ

Tiếp xúc ngôn ngữ là sự tiếp giao nhau giữa các ngôn ngữ do những hoàn cảnh cận kề nhau về mặt địa lí, tương liên về mặt lịch sử xã hội dẫn đến nhu cầu của các cộng đồng người vốn có những thứ tiếng khác nhau phải giao tiếp với nhau.

Xét về bản chất, tiếp xúc ngôn ngữ được bắt đầu từ việc học thêm một ngôn ngữ khác, như vậy khi học ngôn ngữ khác thì nội bộ trong một cá nhân đã bắt đầu hình thành quá trình tiếp xúc giữa hai hoặc hơn hai ngôn ngữ. Tuy nhiên, việc học một ngôn ngữ khác này mới chỉ là điều kiện cần để tiếp xúc ngôn ngữ diễn ra, do đó, để tiếp xúc ngôn ngữ xảy ra còn cần phải được mở rộng ra toàn xã hội - đó chính là "sự khuếch tán ngôn ngữ".

Mức độ tiếp xúc càng rộng rãi, mạnh mẽ bao nhiêu thì kết quả tiếp xúc càng sâu sắc bấy nhiêu trên lĩnh vực ngôn ngữ: đó là việc hình thành các vốn từ vay mượn, từ ngoại lai, các hiện tượng hình thái học mới, các kết cấu cú pháp mới, các mô hình liên kết văn bản mới.

1.1.2.3. Vay mượn từ ngữ

Vay mượn từ ngữ là hiện tượng phổ biến của mọi ngôn ngữ, là một trong những phương thức quan trọng để bổ sung vốn từ ngữ của một ngôn ngữ, là hiện tượng của ngôn ngữ học xã hội và hiện tượng ngôn ngữ - văn hóa.

a/ Vay mượn từ ngữ với vấn đề tiếp xúc ngôn ngữ

Nói đến vay mượn từ ngữ thì không thể không nhắc đến tiếp xúc ngôn ngữ. Đây là hiện tượng ngôn ngữ phổ biến trong đời sống xã hội giao tiếp của con người và tiếp xúc ngôn ngữ xảy ra khi có hiện tượng song ngữ/đa ngữ dưới tác động của các nhân tố ngôn ngữ - xã hội. Vay mượn là khuynh hướng tất yếu trong buổi ban đầu của bối cảnh tiếp xúc ngôn ngữ. Tiến trình vay mượn thường mang tính "một chiều" và khó xảy ra trường hợp hoàn trả giữa ngôn ngữ tiếp nhận và ngôn ngữ cho. Trong tiếng Anh có một số thuật ngữ được dùng như sau: "*loan" "*từ mượn", "từ ngoại lai", *"loan word"* từ ngoại lai", *"loan translation""*phỏng dịch", *"loan blend" "*từ hỗn hợp ngoại lai", *"borrowed/borrowing word" "*từ mượn"; "từ vay mượn", *"hybrid word" "*từ hỗn chúng", "*alien word"* và *"foreign word" "*từ nước ngoài".

b/ Vay mượn từ vựng với các hệ quả của tiếp xúc ngôn ngữ

Tiếp xúc ngôn ngữ có thể xảy ra bằng các con đường khác nhau, trực tiếp và gián tiếp, được chia thành 3 kiểu tiếp xúc. Đó là tiếp xúc do *"ảnh hưởng của khẩu ngữ"*, bởi có sự tiếp xúc giữa các cộng đồng nói các ngôn ngữ khác nhau; tiếp xúc do *"ảnh hưởng của sách vở"*; tiếp xúc do *"ảnh hưởng của cả khẩu ngữ và sách vở"*. Dịch thuật cũng được cho là một trong những kiểu tiếp xúc do ảnh hưởng sách vở, và bắt buộc các ngôn ngữ đó phải có chữ viết. Hiện tượng lai ghép ngôn ngữ: Sự nghiệp đổi mới và hội nhập sâu rộng quốc tế đã tạo cho Việt Nam nhiều thời cơ và bên cạnh đó tạo ra nhiều thử thách. Đối với tiếng Việt thì đó là nguy cơ bị hòa tan, trộn lẫn với những ngôn ngữ quốc tế và ngôn ngữ phá cách.

1.2. Phương ngữ xã hội và cộng đồng giao tiếp

1.2.1. Phương ngữ xã hội

Theo cách nói của F. de Saussure, có bao nhiêu địa phương thì có bấy nhiêu phương ngữ (địa lý) thì tương tự có bao nhiêu nhóm xã hội thì có bấy nhiêu phương ngữ xã hội. Sự hình thành phương ngữ xã hội có liên quan chặt chẽ đến thuộc tính xã hội của người giao tiếp. Mỗi một thành viên trong xã hội sẽ được

xếp vào các giai tầng xã hội khác nhau trên cơ sở của hàng loạt các tiêu chí như: Giới tính, tuổi tác, nghề nghiệp, thành phần xuất thân, trình độ văn hoá… Từ đây, hình thành các khái niệm như *phương ngữ giai cấp, phương ngữ giai tầng, phương ngữ giới tính, phương ngữ nghề nghiệp, phương ngữ tuổi tác, tiếng lóng…*

1.2.2. Cộng đồng giao tiếp

Là phạm vi giới hạn nghiên cứu của biến thể, cộng đồng giao tiếp có thể được hiểu là một thể tập hợp giữa những người có một số nguyên tắc xã hội chung khi sử dụng một ngôn ngữ hay hình thức ngôn ngữ nào đó. Mức độ to nhỏ của cộng đồng giao tiếp tuỳ thuộc vào yêu cầu nghiên cứu cũng như mức độ trừu tượng, Và như vậy, giữa các cộng đồng giao tiếp có thể có những phần trùng nhau và một cá thể giao tiếp có thể không chỉ thuộc về một cộng đồng giao tiếp nhất định. Cộng đồng giao tiếp được hình thành qua giao tiếp thường xuyên liên tục của con người trong sử dụng ngôn ngữ tự nhiên.

1.3. Sự lựa chọn ngôn ngữ và bối cảnh bản sắc văn hoá của sinh viên

1.3.1. Sự lựa chọn ngôn ngữ

Giao tiếp là chức năng quan trọng nhất của ngôn ngữ, và giao tiếp được coi là quá trình vận dụng ngôn ngữ. Sự lựa chọn ngôn ngữ được tiến hành ở bất kỳ bình diện nào của ngôn ngữ như: ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, v,v… bởi chỉ cần một sự biến đổi nhỏ ở trong một bình diện sẽ tạo nên một ý nghĩa dụng học sâu sắc.

Nhìn tổng thể, sự lựa chọn ngôn ngữ có thể diễn ra một cách có ý thức theo chủ quan của người giao tiếp nhưng cũng có thể diễn ra một cách vô thức, ngoài ý định chủ quan của người giao tiếp. Sự lựa chọn không phải là nhất thành bất biến mà linh hoạt với mục đích cuối cùng là thoả đáng về giao tiếp, tức là "đúng đắn và hợp lý". Trong quá trình giao tiếp người giao tiếp có thể chọn mã giao tiếp này mà không chọn mã giao tiếp khác hoặc chuyển từ mã này sang mã khác hay trộn mã lại với nhau.

1.3.2. Bối cảnh bản sắc văn hoá của sinh viên

Đặc điểm của lứa tuổi sinh viên: Trong thời kỳ tuổi sinh viên sự phát triển trí tuệ được đặc trưng bởi sự nâng cao năng lực trí tuệ, đặc biệt trong việc tư duy sâu sắc và mở rộng, có năng lực giải quyết những nhiệm vụ trí tuệ ngày một khó khăn hơn, cũng như có tiến bộ rõ rệt trong lập luận lôgíc, trong việc lĩnh hội tri thức, trí tưởng tượng, sự chú ý và ghi nhớ. Cũng chính trong thời kỳ này khả năng hình thành ý tưởng trừu tượng, khả năng phán đoán, nhu cầu hiểu biết, học tập và giao tiếp được phát triển. "Tính nhạy bén cao độ" là một trong những đặc trưng cơ bản của sự phát triển trí tuệ của thời kỳ chuyển tiếp. Mặt khác khả năng giải thích và gán ý nghĩa cho những ấn tượng cảm tính nhờ vào kinh nghiệm và tri thức đã có trước đây cùng với óc quan sát tích cực và nghiêm túc sẽ tạo khả năng cho lứa tuổi này biết cách lĩnh hội một cách tối ưu, mà đó chính là cơ sở của toàn bộ quá trình giao tiếp.

Tuổi sinh viên là sự tiếp nối giữa giai đoạn cuối vị thành niên sang đầu giai đoạn người lớn trưởng thành. Đây là giai đoạn tốt nhất, quan trọng nhất cho việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp cho sinh viên. Đồng thời phải coi rèn luyện kỹ năng giao tiếp cũng quan trọng như đào tạo kiến thức khoa học, chuyên ngành. Các biện pháp hạn chế và khắc phục tình trạng lạm sử dụng từ ngữ tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt chỉ thực sự có hiệu quả khi chúng trở thành các hoạt động giao tiếp, mà mỗi sinh viên tham gia sẽ có cơ hội để thể nghiệm các năng lực của mình, sẽ có điều kiện đáp ứng tốt hơn các nhu cầu, lợi ích thiết thực của chính họ góp phần vào việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng mẹ đẻ. Các loại hoạt động của sinh viên có mối quan hệ lẫn nhau theo cấu trúc bên trong do kết quả giáo dục và quá trình thực hiện chúng. Hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động chính trị xã hội… có những yếu tố chung ở mục đích (nắm vững nghề nghiệp, hình thành những phẩm chất và kinh nghiệm cần thiết), ở động cơ (hứng thú nhận thức, tình cảm trách nhiệm…), ở quá trình thực hiện (lĩnh hội và vận dụng những thông tin phù hợp, những nhiệm vụ thích hợp cho một loại hoạt động nào đó…). Mỗi loại hoạt động được biểu hiện ở mức độ nhất định về các phẩm chất, tri thức, kỹ

năng, kỹ xảo khác nhau của sinh viên nhưng chúng cùng hình thành nhân cách của họ, chuẩn bị cho họ bước vào cuộc sống lao động sau này.

Tiểu kết: Chương một của đề tài đã tổng hợp, phân tích và đánh giá về các công trình trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài, phân tích các khái niệm cơ bản và cốt lõi nhất của phương ngữ xã hội cũng như một số vấn đề liên quan đến sinh viên, bản sắc văn hoá sinh viên và hoạt động giao tiếp phục vụ cho mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu sử dụng từ ngữ tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt của sinh viên Đại học Đà Nẵng.

CHƯƠNG 2: SỰ LỰA CHỌNNGÔN NGỮ VÀ ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ CỦA CỘNG ĐỒNG SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

2.1. Thái độ ngôn ngữ của sinh viên Đại học Đà Nẵng

2.1.1. Khái quát về quá trình khảo sát việc sử dụng từ ngữ tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt của sinh viên Đại học Đà Nẵng

a/ Mục tiêu khảo sát

Khảo sát việc sử dụng từ ngữ tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt của sinh viên Đại học Đà Nẵng.

b/ Đối tượng và địa bàn khảo sát

Để tìm hiểu việc sử dụng từ ngữ tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt của sinh viên Đại học Đà Nẵng chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng phiếu điều tra đối với: 400 sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ và 300 sinh viên Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

2.1.2. Thái độ ngôn ngữ của sinh viên Đại học Đà Nẵng

Thái độ được hiểu là cách nghĩ, cách nhìn và cách hành động theo một hướng nào đó trước một vấn đề, một tình hình. Từ đó, thái độ ngôn ngữ của sinh viên Đại học Đà Nẵng gồm các bộ phận hợp thành, đó là nhận thức của sinh viên, cảm xúc của sinh viên và hướng tới hành động. Thái độ ngôn ngữ của sinh viên

Đại học Đà Nẵng có thể được hiểu là sự đánh giá của sinh viên Đại học Đà Nẵng về giá trị và khuynh hướng hành vi của một cộng đồng sinh viên Đại học Đà Nẵng hay cá nhân sinh viên đối với một ngôn ngữ hoặc một hiện tượng ngôn ngữ nào đó. Biết được thái độ ngôn ngữ của sinh viên Đại học Đà Nẵng từ đó có thể biết được cũng như có thể dự đoán về hành vi ngôn ngữ của cá nhân sinh viên hay cộng đồng giao tiếp sinh viên. Chẳng hạn, thái độ ngôn ngữ của sinh viên thường phản ánh thái độ đối với các thành viên của những nhóm sinh viên thuộc các nhóm ngành khác nhau; thái độ ngôn ngữ có thể ảnh hưởng tới sự đối xử của giảng viên đối với sinh viên, thái độ ngôn ngữ sinh viên tác động đến việc học ngoại ngữ.v.v….

Sự hình thành thái độ ngôn ngữ sinh viên nói chung, cụ thể là sinh viên Đại học Đà Nẵng, là kết quả của tác dụng tổng hợp nhiều nhân tố xã hội. Đó là các nhân tố như: địa vị xã hội, bối cảnh văn hóa, giáo dục, quan hệ xã hội, số lượng nhân khẩu, tuổi tác, nghề nghiệp, trình độ văn hóa, sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn...

Trong những năm qua Đại học Đà Nẵng đã triển khai chương trình đào tạo tăng cường môn ngoại ngữ đối với giáo dục đại học (cả các cơ sở đào tạo chuyên ngữ và không chuyên ngữ) và triển khai đào tạo theo chương trình ngoại ngữ mới đối với giáo dục đại học. Nội dung chương trình đào tạo ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục đại học thành viên Đại học Đà Nẵng đã áp dụng chương trình đào tạo mới phải có mức kiến thức đạt trình độ tối thiểu là bậc 3 theo khung năng lực ngôn ngữ sau khoá tốt nghiệp

Để tìm hiểu mức độ sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp hàng ngày của sinh viên, chúng tôi nêu câu hỏi: "*Anh/ chị có thường xuyên sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt*?" Kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy mức độ thường xuyên sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt của cộng đồng sinh viên Đại học Đà Nẵng rất cao, chiếm 70%.

2.2. Sự lựa chọn và sử dụng từ ngữ tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt trong sinh viên Đại học Đà Nẵng

2.2.1. Đặc điểm chuyển mã trong cộng đồng sinh viên Đại học Đà Nẵng

Chuyển mã được xem là tiến trình thực hiện chức năng ngôn bản mà qua đó việc chuyển đổi hay biến đổi mã không nhất thiết tạo nghĩa trong giao tiếp. Sau một thời gian diễn ra nhiều tranh luận gay gắt giới học giả dường như đã thống nhất trong lập luận khi phân biệt giữa vay mượn (diễn ra ở cấp độ từ), chuyển mã (ở cấp độ rộng trên từ hay liên câu).

Hiện tượng chuyển mã từ ngôn ngữ Anh sang ngôn ngữ Việt rất phổ biến trong cộng đồng sinh viên Đại học Đà Nẵng. Chúng tôi cho rằng sự lựa chọn rồi chuyển mã sẽ rất quan trọng khi được sử dụng trong cộng đồng giao tiếp là sinh viên. Nó được dùng để lấp vào các khoảng trống từ vựng – những từ mà có thể thay thế đồng nghĩa – hay biểu lộ các ý tưởng bổ sung, chỉ xuất hiện trong ngôn ngữ thứ hai do đặc điểm văn hóa, tâm lý dân tộc

Chúng tôi nêu câu hỏi: *Các nhóm từ ngữ tiếng Anh nào mà anh/ chị thường sử dụng chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt?* để tìm hiểu đặc điểm từ ngữ mà sinh viên sử dụng tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt. Kết quả cho thấy danh từ/cụm danh từ chiếm 67%, tiếng bồi chiếm 30%, cụm động từ chiếm 3% từ ngữ iếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt.

2.2.2. Động cơ lựa chọn và sử dụng từ ngữ tiếng Anh trong cộng đồng sinh viên Đại học Đà Nẵng

Vấn đề cần quan tâm ở đây, theo chúng tôi đó là ý thức của sinh viên làm sao cân bằng được mức độ và giới hạn của chuyển mã để khi giao tiếp họ vừa gìn giữ, bảo tồn được tiếng mẹ đẻ lại vừa tiếp thu những cái mới, cái hay của ngôn ngữ toàn cầu như tiếng Anh. Hiện tượng lựa chọn rồi chuyển mã từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt của sinh viên thường là kết quả của một số động cơ nào đó. Để tìm hiểu động cơ lựa chọn sử dụng từ ngữ tiếng Anh, chúng

tôi nêu câu hỏi: *Anh/ chị cho biết động cơ sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếng tiếng Việt*? Kết quả thể hiện trong bảng 2.3.

Bảng 2.3. Động cơ sử dụng từ ngữ tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt

TT	Động cơ	Tỉ lệ (%)
1	Đề cập đến một chủ đề nhất định	15,5
2	Do thói quen của người nói	19
3	Để luyện tiếng Anh	19,5
4	Lặp lại thông điệp nhằm nhấn mạnh	9,5
5	Giảm nhẹ ý thô tục	5,0
6	Lấp đầy khoảng trống từ vựng	10,5
7	Thể hiện tâm trạng người giao tiếp	5,5
8	Thấy có vẻ sành điệu, phù hợp với sinh viên	15,5

Như vậy, chúng ta thấy động cơ lựa chọn sử dụng từ ngữ tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt đối với sinh viên Đại học Đà Nẵng là để luyện tiếng Anh chiếm tỉ lệ cao nhất 19,5%.

2.3. Vấn đề sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt của sinh viên Đại học Đà Nẵng

Để nắm được mục đích sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt, chúng tôi nêu câu hỏi: *Anh/ chị cho biết, bạn sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếng tiếng Việt với mục đích gì?* Kết quả thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2.4. Mục đích sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt

Nội dung	Mục đích (%)
Tập luyện	5
Thể hiện cái tôi	35
Đua đòi	20
Theo xu thế	40

Bảng trên cho thấy, sinh viên sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt là theo xu thế 40%, thể hiện cái tôi 35%, đua đòi 20%, tập luyện chiếm tỉ lệ thấp nhất 5%.

Để tìm hiểu sự cần thiết sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt, chúng tôi đã đặt câu hỏi: *Theo anh/ chị, sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt đối với sinh viên trường bạn có cần thiết không?* Kết quả cho thấy, có 60% sinh viên cho rằng rất cần thiết và 40% sinh viên thấy cần thiết sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt.

Thói quen chêm xen từ ngữ tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt như để thể hiện "đẳng cấp", "sính ngoại" của không ít sinh viên đã khiến cho họ không ngần ngại chêm xen tiếng Anh vào trong giao tiếp của mình kể cả khi đang giao tiếp với người lớn tuổi. Sự chêm xen từ ngữ tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt ở góc độ nào đó có thể làm biến dạng ngôn ngữ tiếng Việt, mất đi sự trong sáng của tiếng Việt cũng như làm ảnh hưởng đến văn hóa Á Đông của người Việt. Ví dụ như: "**Sorry** bạn"; "**Thank you** thầy nhé"; "**OK** Hà nhé; "**Morning** "Minh"; "**Good luck** bạn"; "**Take care** lớp trưởng"; "**Bye** các bạn nhé"… Điều này càng khẳng định trong cộng đồng sinh viên có sự thay đổi phong cách giao tiếp dẫn đến thúc đẩy sinhviên lựa chọn từ ngữ tiếng Anh, chuyển mã và trộn mã ngôn ngữ trong giao tiếp tiếng Việt.

Nhà triết học người Đức L. Pheurbach từng viết: "Con người cá thể không chứa bản chất con người trong mình… Bản chất con người chỉ bộc lộ ta trong giao tiếp, trong thể thống nhất giữa con người với con người. Con người để cho mình chỉ là con người theo nghĩa thông thường; còn con người trong giao tiếp với đồng loại,…." [7, tr. 24]. Đại đa số con người khi giao tiếp chủ yếu muốn thể hiện "cái tôi" cá nhân khác với bất kì một ai khác.

Chúng tôi tiến hành khảo sát về thái độ giao tiếp của cộng đồng sinh viên Đại học Đà Nẵng trong việc lựa chọn và chuyển mã, trộn mã từ ngữ tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt, chúng tôi nêu câu hỏi: *Anh/ chị cảm thấy thế nào khi sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt?* Kết quả cho thấy cộng

đồng sinh viên Đại học Đà Nẵng muốn chứng tỏ vai trò, bản lĩnh, vị trí của họ trong môi trường học tập và rèn luyện của họ cho nên 62% sinh viên được khảo sát trả lời hào hứng khi giao tiếp.

Tiểu kết: Thông qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy chuyển mã, trộn mã xảy ra liên tục từ cấp độ từ đến cấp độ phát ngôn (lượt lời). Trong đó, chuyển mã, trộn mã ở cấp độ từ chiếm tỉ lệ vượt trội, cao gấp nhiều lần so với các loại khác. Đồng thời mỗi cấp độ chuyển mã, trôn mã cũng yêu cầu người dùng có vốn tiếng Anh khác nhau và khả năng sử dụng ngôn ngữ khác nhau. Về động cơ chuyển mã, trộn mã có thể thấy rằng, chuyển mã, trộn mã là hành vi lựa chọn ngôn ngữ của người nói vô cùng đa dạng. Phụ thuộc vào ngữ cảnh, mục đích giao tiếp, đối tượng giao tiếp cũng như vai giao tiếp mà những động cơ chúng tôi trình bày ở trên đều hợp lí và chính đáng. Do vậy, có thể nói chuyển mã, trôn mã là hiện tượng vừa mang tính tích cực lại vừa tiêu cực. Tích cực vì chuyển mã là hiện tượng không thể tránh khỏi trong cộng đồng song ngữ, đa ngữ. Xét về mặt cấu trúc ngôn ngữ thì chuyển mã, trộn mã có phần tiêu cực ở chỗ hiện tượng này là một phần nguyên nhân khiến tiếng Việt bị mất đi sự trong sáng vốn có của nó, đặc biệt là đối với sinh viên – là đối tượng của chúng tôi trong nghiên cứu này.

CHƯƠNG 3 ĐẶC ĐIỂM LỚP TỪ NGỮ TIẾNG ANH CHÊM XEN TRONG GIAO TIẾP TIẾNG VIỆT CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

3.1. Bình diện cấu trúc

3.1.1. Đặc điểm định danh: Trong số lượt từ chúng tôi thống kê được, chỉ có 17% có thể được xem là từ vay mượn. Vì chúng là những từ đã có quá trình tồn tại tương đối lâu dài và bền vững trong từ vựng tiếng Việt, đã được Việt hoá về nhiều mặt, được cộng đồng bản ngữ chấp nhận dùng như từ tiếng Việt, được sử dụng phổ biến. Những từ này không có những đơn vị từ vựng tương đương trong tiếng Việt vì vậy sinh viên vẫn sử dụng hình thức từ ngữ tiếng Anh. Khi trao đổi về các chủ đề thuộc lĩnh vực văn hoá, giải trí, chính trị, xã hội, thông tin di động, từ ngữ tiếng Anh được sinh viên chêm xen mang tính chuyên sâu của từng chủ đề, lĩnh

vực xuất hiện với tần số cao, hơn 80%. Chúng là kết quả của hiện tượng trộn mã tiếng Anh vào trong giao tiếp tiếng Việt thường mang chức năng định danh.

3.1.2. Đặc điểm ngữ âm: Vay mươn từ ngữ diễn ra theo hai phương thức cơ bản là mượn âm và mượn nghĩa (dịch nghĩa, phỏng nghĩa). Những từ ngữ tiếng Anh mà chúng tôi thu thập được đa phần đã được dịch nghĩa trong tiếng Việt. Nhưng giai đoạn hiện nay giới trẻ nói chung, sinh viên nói riêng thiên về xu hướng sử dụng từ ngữ tiếng Anh (viết/ nói) theo hình thức chuẩn tiếng Anh: *CEO, MC, PR, online, shopping, hot, clip*… chiếm tỷ lệ 95,4%, hình thức phỏng âm chỉ chiếm 4,6%. Cách vay mượn giữ nguyên hình thức từ gốc trước hết phù hợp xu hướng chung của các ngôn ngữ trên thế giới hiện nay.

3.1.3. Đặc điểm ngữ pháp

Về mặt cấu tạo, từ là đơn vị tiếng Anh được chêm xen chủ yếu, chiếm 78,8%, cụm từ chiếm 19,6% và câu rất hiếm. Đối với cụm từ, xuất hiện hiện tượng Việt hoá trật tự từ (*topic hot, game online, group chat*..) cụm từ tiếng Anh trong lời giao tiếp tiếng Việt.

Về từ loại, danh từ/ cụm danh từ tiếng Anh được sinh viên sử dụng chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt với số lượng nhiều nhất (72,9%), động từ/ cụm động từ chiếm 14,8%, tính từ/ cụm tính từ chiếm 11,7% và các từ loại khác chỉ chiếm 0,6%. Xu hướng các từ tiếng Anh chêm xen được sinh viên sử dụng rộng rãi nhất trong giao tiếp tiếng Việt là danh từ. Đặc biệt trong ngôn ngữ giao tiếp của sinh viên, đặc điểm từ loại của từ tiếng Anh có sự biến đổi. Chuyển di ý nghĩa từ loại là hiện tượng thường gặp trong ngôn ngữ giao tiếp sinh viên.

3.1.4. Đặc điểm cú pháp

Về mặt cấu tạo từ:

- *Cấu tạo từ bằng cách rút gọn*: Đây là cách cấu tạo từ thường dùng nhất trong sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt thường theo các phương thức sau: *Một là*, rút gọn từ đơn và cụm từ tiếng Anh. Ví dụ như: GF – girlfrend, BF – boyfrend, FT – faint, VG – very good, BTW – by the way, HRU

– how are you, FM – fokkow me, K – kill, BB – bey bey... rõ ràng, những từ ngữ rút gọn này vừa tiết kiện thời gian, vừa linh hoạt, đem lại cảm giác mới mẻ cho người sử dụng. *Hai là*, rút gọn cụm từ, hoặc kết hợp dùng chữ cái và chữ số. Do sinh viên là người trẻ tuổi, có giáo dục và biết tiếng Anh, trong quá trình giao tiếp tiếng Việt, để thể hiện cá tính... vì thế họ lựa chọn cách hỗn hợp giữa chữ số, phiên âm chữ cái, chữ cái tiếng Anh để tạo từ: for you – 4you, U2 – you too, good night – G9...

- *Cấu tạo từ bằng cách ký hiệu*: Đây thường là những từ biểu thị hành vi hoặc trạng thái vui buồn của sinh viên, ví dụ như dùng ký hiệu để thay thế cho trạng thái ngủ, đau buồn, kinh ngạc, dùng diễn tả tiếng khóc, dùng biểu thị yêu thích, dùng biểu thị sự nhất trí, đồng ý…

Về kết cấu câu:

- *Sử dụng nhiều câu rút gọn*: Trong giao tiếp tiếng Việt khi chêm xen tiếng Anh vào sinh viên ít khi sử dụng câu dài, câu phức hợp mà đa phần sử dụng câu ngắn; hiện tượng rút gọn câu rất phổ biến.

- *Sử dụng dạng câu hỗn tạp giữa tiếng Việt và tiếng Anh*: Dạng câu hỗn tạp là hiện tượng ngôn ngữ đặc thù, được nảy sinh do ảnh hưởng lẫn nhau của ngôn ngữ, là một dạng biến thể lai căng khi tiếng Việt chịu ảnh hưởng của tiếng Anh.

3.1.5. Đặc điểm phong cách

Ngôn ngữ giao tiếp của sinh viên phản ánh quan điểm tư tưởng giá trị của cộng đồng giao tiếp sinh viên – một quần thể đặc biệt trong không gian giao tiếp này. Phong cách tùy ý tự nhiên trong ngôn ngữ giao tiếp cũng tương đối nhiều. Thông thường không có sự cân nhắc, sửa chữa tỉ mỉ, có lúc chỉ nửa câu, chêm xen từ ngữ tiếng Anh trên các trang mạng điện tử có rất nhiều trạng thái như vậy.

3.2. Bình diện giao tiếp xã hội

3.2.1. Đặc điểm lựa chọn ngôn ngữ trong giao tiếp

Trộn mã là đặc trưng của hiện tượng chêm xen từ ngữ tiêng Anh vào trong giao tiếp tiếng Việt của sinh viên trong ngữ liệu đề tài. Nếu chuyển mã là hiện tượng một người nói nhiều ngôn ngữ, mỗi mã là một "ngôn ngữ nguyên vẹn" thì trộn mã là sử dụng những mảnh nhỏ mã trộn vào trong ngôn ngữ khác.

Vay mượn: Nếu hình dung chuyển mã, trộn mã và vay mượn từ vựng như là một đường liên tục theo quan điểm của Fasol thì vay mượn chính là đoạn cuối của quá trình này. Một mã trộn tiếng Anh được sử dụng lặp đi lặp lại trong mã chính, làm cho người ta cảm thấy quen thuộc, quên mất nguồn gốc của mã trộn thì nó được xem là từ vay mượn. Qua khảo sát và phân tích cho kết quả 15% số từ ngữ tiêng Anh có tư cách vay mượn (Việt hoá): *web, Internet, link, virus…*

Hiện tượng chêm xen từ ngữ tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt của sinh viên là kết quả sự giao lưu, tiếp biến văn hoa – ngôn ngữ trong thời đại toàn cầu hoá. Hiện tượng này có thể được hình dung như một qúa trình liên tục, từ chuyển mã, trộn mã đến vay mượn. Nhưng đặc trưng nổi bật nhất trong sự lựa chọn ngôn ngữ sinh viên vẫn là hiện tượng trộn mã.

3.2.2. Đặc điểm nhân vật giao tiếp

Để tìm hiểu mức độ sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt, chúng tôi nêu câu hỏi: *Anh/ chị vui lòng đánh giá mức độ sinh viên sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt*? Kết quả thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3.1. Mức độ sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt

Mức độ sử dụng	**Đánh giá**								**Tổng số sinh viên**	
	Thường xuyên		**Thỉnh thoảng**		**Ít khi**		**Chưa khi nào**			
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Chêm xen từ ngữ tiếng Anh vào giao tiếp tiếng Việt	205	32,8	340	54,4	76	12,2	4	0,6	625	100

Qua bảng trên, chúng ta thấy, chiếm số lượng sinh viên đông nhất vẫn là *thỉnh thoảng sử dụng* (54,4 %); số sinh viên *thường xuyên sử dụng* chiếm tỉ lệ thấp hơn (32,8 %); tiếp đến là những sinh viên cho rằng *ít khi sử dụng* chiếm tỉ lệ thấp (12,2%); và cuối cùng là những sinh viên khẳng định *chưa khi nào sử dụng* chiếm tỉ lệ thấp nhất (0,6%). Khi lấy ý kiến về đối tượng cùng giao tiếp của sinh viên khi sử dụng từ ngữ tiếng Anh vào chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt, chúng tôi nêu câu hỏi: *Anh/ chị thường sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt với ai*? Kết quả thể hiện trong bảng sau.

Bảng3.2. Đối tượng giao tiếp

Đối tượng	**Số lượng**	**Tỉ lệ %**
Người ít tuổi hơn	125	20
Bạn bè	535	85,6
Anh/ chị	234	37,4
Người lớn tuổi hơn: cha, mẹ, ông, bà...	5	0,8

Với 85,6% ý kiến sinh viên sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen vào giao tiếp tiếng Việt với bạn bè cùng trang lứa và 37,4% sinh viên sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt với anh/chị, 20% với đối tượng giao tiếp là người ít tuổi hơn, còn đối với người lớn tuổi chỉ có 0,8%. Điều này phản ánh phần nào đó thái độ của sinh viên trong sử dụng ngôn ngữ: thân mật, suồng sã với bạn bè, tôn trọng với người đối thoại lớn tuổi như ông, bà, cha, mẹ… và có ý thức trong việc biết chọn lựa đối tượng giao tiếp.

3.2.3. Đặc điểm của hoàn cảnh giao tiếp

Về phạm vi sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt, chúng tôi nêu câu hỏi: *Anh/ chị sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt trong hoàn cảnh giao tiếp nào nhất*? Kết quả thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 3.3. Hoàn cảnh giao tiếp sinh viên sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt

Nội dung	**Địa điểm giao tiếp**							
	Nhà trường		**Gia đình**		**Mọi nơi**		**Không nơi nào**	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Chêm xen từ ngữ tiếng Anh vào giao tiếp tiếng Việt	125	20	95	15	353	56,7	52	8,3

Kết quả trên cho thấy, sinh viên có ý thức sử dụng chêm xen này ở đâu cho phù hợp. Trong đó, hầu hết sinh viên đều sử dụng ở những nơi môi trường tạo sự thân mật, suồng sã. Một số ít sinh viên sử dụng ở gia đình. Nhà trường – nơi có nhiều bạn bè cùng trang lứa, cùng quan điểm, họ dễ dàng chia sẻ, hiểu nhau hơn.

3.2.4. Đặc điểm mục đích sử dụng

Mục đích giao tiếp là nhân tố quyết định phương tiện, cách thức giao tiếp, chi phối đến sự lựa chọn ngôn ngữ. Sử dụng ngôn ngữ của sinh viên có thể là hành vi thói quen, vô tình, không cố ý hoặc là nhằm những mục đích nhất định. Mô hình động cơ lựa chọn ngôn ngữ có tính chiến lược được chúng tôi phân tích thành những biểu hiện cụ thể. Thể hiện bản sắc của sinh viên, nhằm thiết lập cộng đồng giao tiếp sinh viên với các đặc điểm: 1/tính thời thượng, nhạy bén; 2/ tính hài hước, dí dỏm, thông minh; 3/ nhu cầu sáng tạo, lạ hoá ngôn từ.

Mốt tự thể hiện bản thân của giới trẻ nói chung và sinh viên nói riêng trước hết là thể hiện "cái tôi", phải cho người khác biết cái tôi đó khác và không và "đụng hàng" với bất kỳ ai. Có 25,5% sinh viên được khảo sát sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt là thói quen, không có mục đích gì, cũng phản ánh sự ảnh hưởng sâu rộng của biến thể ngôn ngữ giao tiếp đến thói quenlựa chọn ngôn ngữ của sinh viên.

3.3. Tính hai mặt của việc sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt của sinh viên

Có thể thấy, việc sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt có ảnh hưởng nhất định đến tiếng Việt hiện đại.

3.3.1. Ảnh hưởng tích cực: Các nhà ngôn ngữ học cho rằng, hiện nay đang diễn ra cuộc cách mạng trong lịch sử ngôn ngữ học; ngôn ngữ mạng, ngôn ngữ của lớp trẻ đại diện cho xu hướng phát triển của ngôn ngữ, sẽ thúc đẩy cải cách dần dần tiếng Việt. Không gian giao tiếp trên mạng hiện nay là một thế giới có thể đem lại cho sinh viên một không gian tự do để phát huy trí tưởng tượng và óc sáng tạo.

3.3.2. Ảnh hưởng tiêu cực

Cùng với việc sử dụng và phát triển chêm xen từ ngữ tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt, hiện tượng không quy phạm trong ngôn ngữ dẫn đến vấn đề thô tục, thiếu văn minh dần xuất hiện. Việc này ngày càng ảnh hưởng đến cuộc sống hiện thực, ảnh hưởng đến ngôn ngữ truyền thống, khiến cho những tác động tiêu cực ngày càng rõ nét. Ảnh hưởng xấu đến khả năng tư duy**:** Ngôn ngữ là cái vỏ của tư duy, việc sử dụng ngôn ngữ chat phổ biến trong sinh viên hiện nay thì thật khó để tìm những ngôn từ đẹp, lời văn hay. Và lo ngại hơn là cách viết, cách suy nghĩ như thế sẽ hình thành thói quen lười tư duy, thiếu kiên trì, nhẫn nại trong công việc, ảnh hưởng đến nhận thức, nhân cách của các em sau này.

3.3.4. Các biện pháp được đề xuất

Giới trẻ ngày nay, trong đó có sinh viên đang sống trong một xã hội hiện đại với nhịp sống hối hả, năng động. Cần phải có những biện pháp cụ thể để hạn chế và khắc phục sự "quá đà" của sinh viên trong việc sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen tràn lan như hiện nay.

3.3.4.1. Nâng cao nhận thức cho giới trẻ về viêc giữ gìn sự trong sáng tiếng Việt

Bảo vệ cho tiếng Việt được trong sáng cũng là bảo vệ những giá trị văn hóa tốt đẹp ấy. Rõ ràng đây là lúc cần có cách nhìn rạch ròi trong việc để cho những cái gì được giao thoa và những cái gì phải cẩn thận cách ly và khéo léo gìn giữ.

Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt cũng phải tuân theo những nguyên tắc đó. Quá trình giao thoa, va đập của ngôn ngữ bao hàm cả sự dung nạp, thải loại những gì không phù hợp. Trong quá trình ấy, với tiếng Việt, điều cần nhất là nâng cao khả năng tự điều chỉnh dựa trên nền tảng có tính chuẩn mực được vun đắp qua bao đời nay. Để giúp tiếng Việt phát triển mà vẫn giữ được bản sắc thì không thể thiếu giải pháp phù hợp, đặc biệt là về định chuẩn, nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Việt trong nhà trường, tính tiền phong gương mẫu trong giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt từ phía các phương tiện truyền thông.

3.3.4.2. Giúp giới trẻ hiểu thật sự đầy đủ và sâu sắc về tiếng Việt

Đứng trước thực trạng thay đổi khá nhanh chóng gần đây của ngôn ngữ, rất nhiều người lo lắng và lên tiếng về hiện tượng sử dụng ngôn ngữ tùy tiện, cẩu thả làm "vẩn đục" tiếng Việt. Việc sử dụng ngôn ngữ tùy tiện này ảnh hưởng rất lớn đến sự trong sáng, phong phú của tiếng Việt. Nhiều nhà khoa học cho rằng, việc quá lạm dụng vào ngôn ngữ chat, chêm xen tiếng Anh quá nhiều trong giao tiếp tiếng Việt khiến khả năng tư duy của giới trẻ bằng tiếng Việt ngày càng hạn chế vì các em không còn ý thức trau dồi vốn từ tiếng Việt sao cho phong phú, diễn đạt thật trôi chảy, chính xác nữa. Giáo dục cho người học ngôn ngữ văn hóa là một trong những điều quan trọng mà nhà trường cần phải đẩy mạnh để chống sự "lai căng" trong ngôn ngữ.

3.3.4.3. Định hướng sự lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp trong giới trẻ

Vấn đề thực sự cấp bách đặt ra lúc này là làm sao để có thể sử dụng ngôn ngữ chat, cũng như sử dụng từ ngữ tiếng Anh của sinh viên trong giao tiếp tiếng Việt đúng cách để nó phát triển theo chiều hướng tốt đẹp, hạn chế những mặt tiêu cực còn tồn tại và phát huy những mặt tích cực đồng thời cũng không làm ảnh hưởng đến vẻ đẹp và sự trong sáng của tiếng Việt. Tốt hơn hết sinh viên chỉ nên sử dụng biến thể ngôn ngữ giao tiếp đúng nơi, đúng chỗ, đúng cách. Trong mỗi người cần phải có ý thức hơn, phải nhận thức được lúc nào, ở đâu, với ai là thích hợp, có thể dùng từ ngữ tiếng Anh chêm xen vào trong giao tiếp.

3.3.4.4. Rà soát và xác định khu vực, đối tượng sử dụng để đưa ra các biện pháp quản lý

Để "ngôn ngữ chat" không bị lạm dụng, cần phải có sự khoanh vùng "ngôn ngữ chat". Các cơ quan thông tấn báo chí, nhất là báo mạng phải đi đầu trong việc sử dụng từ ngữ một cách thành thật, trong sáng và đúng chuẩn, nhất là khi đăng ý kiến của độc giả. Những nơi công cộng cần quy định nghiêm cấm việc sử dụng "ngôn ngữ chat", tiếng lóng hay những từ ngữ tục tĩu. Và cũng rất cần thiết để thực hiện cuộc vận động Nói không với "ngôn ngữ chat".

3.3.4.5. Gia đình, nhà trường cùng các tổ chức chính trị xã hội đồng thuận và thực hiện tốt vai trò của mình trong giáo dục giới trẻ giao tiếp

Nếu nhà trường là nhân tố cơ bản giúp các bạn trẻ định hướng, rèn luyện cách sử dụng ngôn ngữ chuẩn mực thì xã hội lại là nhân tố ảnh hưởng đến sở thích sử dụng ngôn ngữ giao tiếp của giới trẻ. Muốn khắc phục được tình trạng này, gia đình và nhà trường phải kết hợp giáo dục, kiểm soát, nhưng quyết định hơn cả thì phải có một đạo luật cụ thể về tiếng Việt nằm trong Chính sách ngôn ngữ của Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó, trong cuộc sống hằng ngày, nhà trường cần phối hợp với gia đình và các tổ chức chính trị xã hội trong việc nhắc nhở, điều chỉnh khi giới trẻ chêm xen từ ngữ tiếng Anh, lạm dụng tiếng lóng, ngôn ngữ "chat" trong quá trình giao tiếp, nhất là khi tạo lập các văn bản đòi hỏi tính chuẩn mực cao.

Tiểu kết: Biến thể ngôn ngữ sinh viên – chêm xen từ ngữ tiếng Anh có sự thể hiện phong phú, đa dạng. Bằng việc phân tích các đạc điểm ngữ âm, cấu tạo từ, ngữ pháp, cú pháp, tu từ của hình thức này, chúng tôi đã miêu tả ngôn ngữ sinh viên từ bình diện cấu trúc hệ thống, qua đó xác lập những đặc trưng nổi bật nhất của ngôn ngữ sinh viên. Chúng tôi cũng đã phân tích và lý giải sự lưa chọn và sử dụng ngôn ngữ của sinh viên từ bình diện giao tiếp xã hội. Từ bình diện giao tiếp, ngôn ngữ sinh viên là phương tiện giao tiếp trong nội bộ nhóm sinh viên, với những nhân vật có vai giao tiếp bình đẳng, với những động cơ giao tiếp xác định, nổi bất nhất là để thể hiện bản sắc sinh viên. Có thể nói ngôn ngữ sinh viên không

phải là hiện tượng dị thường, đột biến trong tiếng Việt, mà chúng đã thể hiện sự kế thừa và cách tân, sáng tạo của sinh viên trên hành trình đổi mới ngôn ngữ của tầng lớp trẻ trí thức.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Tiếp xúc và vay mượn ngôn ngữ là hiện tượng bình thường, phổ biến của hầu hết các ngôn ngữ trên thế giới. Việc một ngôn ngữ này vay mượn và sử dụng một số lượng từ ngữ của ngôn ngữ khác là kết quả của sự tiếp xúc ngôn ngữ, do điều kiện giao lưu, hội nhập, tiếp xúc văn hoá xã hội. kinh tế… Ngày nay, cùng với quá trình toàn cầu hoá rất nhiều các yếu tố tiếng Anh xâm nhập vào các ngôn ngữ. Chuyển mã, trộn mã và từ vay mượn là hệ quả của việc tiếp xúc ngôn ngữ trong một xã hội đa ngôn ngữ. Trong một cuộc giao tiếp, kể cả giao tiếp trên mạng, người đa ngữ có thể dùng hai ngôn ngữ cùng một lúc, xen vào nhau tuỳ theo mục đích, dụng ý, hay thói quen ngôn ngữ. Đó là chuyển mã. Còn trộn mã là hiện tượng một mã ngôn ngữ chính đang dùng có chêm xen, hoà trộn một số yếu tố của một mã ngôn ngữ khác. Với đặc điểm đó hiện tượng chêm xen từ ngữ tiếng Anh ngày càng bộc lộ rõ sức thẩm thấu và ảnh hưởng rất lớn của mình, từ trên mạng và cả ngoài đời sống xã hội và xâm nhập vào ngôn ngữ hàng ngày của những người trẻ tuổi, thu hút sự quan tâm chú ý của nhiều nhà ngôn ngữ, đồng thời tạo ra những tranh luận xung quanh vấn đề ngôn ngữ giao tiếp. Có nhiều quan điểm trái ngược nhau, như ủng hộ, cho rằng, hiện tượng ngôn ngữ này có thể thể hiện sự sống và trạng thái tư duy của lớp trẻ, sự xuất hiện của nó có ý nghĩa tạo nên thời kỳ mới trong hành chức ngôn ngữ. Hoặc phản đối, chỉ trích, cho rằng hiện tượng ngôn ngữ này đã phá đi sự thuần khiết của tiếng Việt. Hiện nay hiện tượng ngôn ngữ này luôn luôn xuất hiện trong quá trình dạy – học, là vấn đề thu hút sự chú ý không nhỏ của cả người dạy và người học.

Trên cơ sở những phân tích tổng hợp trên đây, chúng tôi đưa ra các khuyến nghị như sau:

1/ Làm rõ sự khác biệt biệt giữa hiện tượng chêm xen cũng như ngôn ngữ mạng với ngôn ngữ truyền thống tiếng Việt.

2/ Hướng dẫn người học sử dụng hợp lý khi giao tiếp.

3/ Tăng cường ý thức quy phạm ngôn ngữ cho sinh viên.

4/ Có thái độ cởi mở tiếp thu những điểm tích cực đối với hiện tượng ngôn ngữ này.

Tóm lại, trộn mã, tiến đến vay mượn rồi dần Việt hoá là dòng chảy thể hiện sự tiếp xúc, biến đổi và phát triển không ngừng của tiếng Việt hiện đại. Sự biến đổi và phát triển này chịu sự tác động của của sự thay đổi kinh tế xã hội cũng như tuân ttheo quy luật nội tại của ngôn ngữ. Trong quá trình phát triển, tất yếu ngôn ngữ cũng đi qua giai đoạn giao thoa, lai tạp, không tránh khỏi những tình huống lai căng, kệch cỡm, khó nghe. Sinh viên sử dụng từ ngữ tiếng Anh chêm xen trong giao tiếp tiếng Việt – đây là một hiện tượng ngôn ngữ xã hội tiếng Việt được sinh viên - cộng đồng giao tiếp từng bước sáng tạo ra khi sống trong thời đại toàn cấu hoá, là sự phản ánh trực tiếp nhất của thời đại Internet, góp phần làm phong phú ngôn ngữ xã hội tiếng Việt hiện đại, đồng thời cũng đem lại một số ảnh hưởng tiêu cực nhất định. Khi giảng dạy và nghiên cứu hiện tượng ngôn ngữ này, chúng ta phải có quan điểm toàn diện, khách quan, vừa phải nhìn thấy sự hạn chế, vừa phải thấy được giá trị tồn tại của nó, từ đó vận dụng một cách linh hoạt, phù hợp với thực tiễn nhằm đạt đến hiệu quả như mong muốn.